

Bản án số: **31/2021/HS-PT**.
Ngày: 29-4-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiến Thắng -Kiểm sát viên.

Ngày 29-4-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLPT-HS, ngày 12-3-2021 đối với bị cáo Trần E do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo kháng cáo: Trần E; Sinh năm: 1992; Nơi sinh: Huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần B và bà Nguyễn T; Có vợ là bà Võ Y, sinh năm 1995 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27-10-2020 đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa: Ông Võ Đ-luật sư của Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ văn phòng giao dịch: Đường V, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị hại có liên quan đến kháng cáo: Ông Trần L; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ1, NLQ2; Người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3, NLC4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần E và bị hại Trần L là anh em cùng cha khác mẹ và đang tranh chấp quyền sử dụng đất với nhau. Vào lúc khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01-4-2020, ông L mang theo cây leng để đào đất ngoài ruộng, lúc này E và NLQ1 đi trên bờ ruộng giáp ranh thì ông L không cho đi nên hai bên cự cãi với nhau, thì E lượm một cục đất khô ném trúng vào người ông L. Ông L cầm cây leng chạy tới định đánh E thì được vợ là NLQ2 can ngăn. Lúc này, NLQ1 nhổ cây bằng cặm có ghi dòng chữ “Cấm vào bắt ốc” gần đó chạy tới đánh 01 cái trúng vào đầu ông L nhưng không để lại thương tích. NLQ2 thấy vậy nên vào đánh nhau với NLQ1, còn E thì đánh nhau với ông L. Ông L dùng cây leng đánh E nhưng E đỡ được và giành được cây leng đánh 01 cái trúng vào vùng trán bên phải của ông L gây thương tích. Ông L té nằm ngửa xuống ruộng thì E ngồi đè lên người, dùng tay bóp cổ ông L. NLQ2 truy hô thì NLC1 và ông NLC2 đến can ngăn và hai bên chấm dứt việc đánh nhau. Sau đó, ông L được đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện M điều trị và chuyển đến điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng đến ngày 06-4-2020 được xuất viện. Ngày 10-4-2020 và ngày 03-6-2020, ông L có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với E về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 133/TgT-PY ngày 29-4-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận về thương tích của Trần L như sau: Sẹo ngang vùng trán phải, kích thước 05 x 0,5cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%; các vết sưng bầm, nề như trong giấy chứng nhận thương tích mô tả đã được điều trị, không còn di chứng tổn thương. Tổn thương do vật có cạnh gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y bổ sung về thương tích số 370/TgT-PY ngày 20-10-2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Trần L, dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vùng trán phải, sẹo có bờ phẳng, thẳng, mép sắc gọn phù hợp với vật gây thương tích có cạnh như đặc điểm của cây leng. Mẫu vật giám định là cây leng có khả năng gây thương tích ở vùng trán phải đối với Trần L.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Trần E phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Phạt bị cáo Trần E 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bị cáo Trần E phải bồi thường cho bị hại Trần L tổng số tiền là 27.003.826 đồng.

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Trần E đã giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 17-02-2021, bị cáo Trần E kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm tiền bồi thường cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần E giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo và giảm tiền bồi thường cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng. Bị cáo khai nhận hành vi gây thương tích cho bị hại như bản án sơ thẩm đã xác định và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, do tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp biên lai thu tiền thể hiện bị cáo đã nộp số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M để bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm đối với bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và giảm hình phạt cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo E trình bày: Trong vụ án này, bị hại có một phần lỗi trước khi đã dùng cây lạng đánh bị cáo mặc dù đã được vợ là NLQ2 can ngăn. Bị cáo có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã nộp tiền bồi thường hai lần với tổng số tiền là 5.000.000 đồng; hiện nay, bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, nuôi mẹ già và con nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần E lập và nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 17-02-2021 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung

kháng cáo của bị cáo Trần E, về việc xin hưởng án treo và giảm tiền bồi thường cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần E: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo E khai nhận có tranh chấp đất đai với ông Trần L và vào lúc khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01-4-2020, do ông L không cho bị cáo và NLQ1 đi trên bờ ruộng giáp ranh nên xảy ra cự cãi và xô xát với nhau. Bị cáo E lượm cục đất khô ném trúng vào người ông L thì ông L cầm cây leng đánh bị cáo nhưng bị cáo đỡ được và giật được cây leng của ông L, rồi bị cáo dùng cây leng đánh 01 cái trúng vào vùng trán bên phải của ông L gây thương tích. Xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định thương tích ở vùng trán bên phải của bị hại là do bị cáo dùng cây leng (là loại hung khí nguy hiểm) đánh bị hại gây ra. Theo kết luận giám định, tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại L do thương tích gây nên hiện tại là 09%. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo E, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đồng thời, xem xét áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như tự nguyện nộp 2.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, trình độ học vấn thấp, bị hại cũng có một phần lỗi theo quy định tại điểm b, điểm i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp thêm số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M để bồi thường cho bị hại và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo về vụ án. Đây là tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng và việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời

gian thử thách theo quy định của pháp luật, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo E, về việc giảm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không đồng ý giảm tiền bồi thường cho bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng từ điều trị thương tích của bị hại đã nộp cho Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại với tổng số tiền là 27.003.826 đồng, trong đó gồm các khoản: Tiền điều trị thương tích là 10.993.826 đồng; tiền xe là 1.360.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 7.450.000 đồng; tiền công lao động bị mất của bị hại trong thời gian điều trị thương tích là 1.200.000 đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại là 6.000.000 đồng. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại gồm các khoản trên là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc giảm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại xuống còn là 17.000.000 đồng. Đồng thời, giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số tiền bị cáo đã nộp tổng cộng là 5.000.000 để đảm bảo thi hành án.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin hưởng án treo và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc giảm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng, sửa phần căn cứ điều luật và quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm e, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần E không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần E, về việc xin hưởng án treo; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần E, về việc xin giảm tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại xuống còn 17.000.000 đồng.

Sửa phần căn cứ điều luật và quyết định hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2021/HS-ST ngày 05-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần E 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo và 02 (Hai) năm thử thách về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách tính từ ngày 29-4-2021. Giao bị cáo Trần E cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần E thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần E cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Xử buộc bị cáo Trần E có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Trần L với tổng số tiền là 27.003.826 đồng (Hai mươi bảy triệu, không trăm lẻ ba ngàn, tám trăm hai mươi sáu đồng).

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà bị cáo Trần E đã nộp theo các

Biên lai thu tiền số 008094 ngày 29-12-2020 và số 0009557 ngày 28-4-2021 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm e, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần E không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Trần E chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND H. M (02);
- VKSND H. M (01);
- CQĐT - Công an H. M (01);
- CQTHAHS-Công an H. M (01);
- Chi cục THADS H. M (01);
- Bị cáo, BH, NBC (03);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã M (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ